

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 6 năm 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Nguyễn Thành Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991. Cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đỗ Đức H, sinh năm 1993. Cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Đức H kết hôn ngày 10/10/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống đến khi chị sinh con lần thứ hai, anh H đánh đập chị, chàm thuốc lá vào mặt chị. Vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2019. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Đức P, sinh ngày 02/8/2014 và Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 03/5/2019. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân may, thu nhập 7.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do điều kiện công việc chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

* Bị đơn là anh Đỗ Đức H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 10/10/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, có lần anh đã đánh chị L, anh có tát chị L mấy cái. Từ tháng 9/2019 chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Đức P, sinh ngày 02/8/2014 và Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 03/5/2019. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung thì anh đồng ý do hiện nay anh đang bị tạm giam.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do hiện nay anh đang bị tạm giam, sắp tới phải đi thụ án nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Đức H.
2. Về con chung: Giao hai con chung là Đỗ Đức P, sinh ngày 02/8/2014 và Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 03/5/2019 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng.
3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L, bị đơn là anh Đỗ Đức H đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có

trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với chị L và anh H.

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Đức H kết hôn ngày 10/10/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Chị L yêu cầu được ly hôn anh H. Anh H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị L, anh H và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng có xảy ra xô xát (anh H có đánh chị L). Vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn anh Đỗ Đức H là có căn cứ và cần được chấp nhận (Theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Đức P, sinh ngày 02/8/2014 và Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 03/5/2019. Vợ chồng ly hôn, chị L yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh H đồng ý để chị L nuôi dưỡng hai con chung vì anh đang bị tạm giam trong vụ án hình sự. Do vậy, yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung của chị L là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Đức H.
2. Về con chung: Giao 02 con chung là Đỗ Đức P, sinh ngày 02/8/2014 và Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 03/5/2019 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003696 ngày 29/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện H;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

Phạm Thị Chuyên